

Số: 217 /2017-TH1-VP

V/v: Công bố thông tin BCTC soát xét  
6 tháng đầu năm 2017

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
  - Mã chứng khoán: TH1
  - Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
  - Điện thoại: 04.38264009 Fax: 04.38259894
2. Nội dung thông tin công bố:
  - BCTC xét 6 tháng đầu năm 2017 của Văn phòng Công ty CP XNK Tổng hợp I Việt Nam:
    - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016: -12.395.705.089 đồng
    - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017: -180.121.314 đồng
  - BCTC tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty CP XNK Tổng hợp I VN:
    - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016: -11.122.282.592 đồng
    - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017: -785.905.932 đồng

**Giải trình nguyên nhân:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN trong BCTC soát xét của Văn phòng và BCTC tổng hợp 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty thay đổi trên 10% so với BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2016 là do:
    - Công ty được hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh 49,38 tỷ đồng;
    - Công ty phải trích lập dự phòng các khoản thu khó đòi 43,16 tỷ đồng;
    - Công ty phải trả lãi vay cao do dư nợ USD cao.
  - Lợi nhuận sau thuế TNDN trong BCTC quý 2 năm 2017 của Văn phòng Công ty đã công bố chuyển từ lãi sang lỗ so với BCTC bán niên được soát xét đồng thời có sự chênh lệch trước và sau soát xét trên 5% là do Công ty phải trích lập bổ sung dự phòng công nợ phải thu hơn 329 triệu đồng;
  - Lợi nhuận sau thuế TNDN trong BCTC tổng hợp 6 tháng đầu năm 2017 so với BCTC tổng hợp Quý 2 năm 2017 đã công bố có sự chênh lệch trước và sau soát xét trên 5% là do Công ty phải trích lập bổ sung dự phòng công nợ phải thu hơn 329 triệu đồng.
3. Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: [www.generalexim.com.vn](http://www.generalexim.com.vn) vào ngày 15/08/2017.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu VP.

**Người thực hiện công bố thông tin**



**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**  
*Nguyễn Thị Bích Hương*



A member of  International

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

|                                                              | <b>Trang</b> |
|--------------------------------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                                | 02-03        |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ            | 04-05        |
| Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đã được soát xét | 06-40        |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ                            | 06-08        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ            | 09           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ                      | 10           |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ      | 11-40        |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                           |            |
|---------------------------|------------|
| Ông Trần Anh Vương        | Chủ tịch   |
| Ông Hoàng Tuấn Khải       | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hoài    | Thành viên |
| Ông Trần Văn Toàn         | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Minh Phương | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                        |               |
|------------------------|---------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Hoài | Tổng Giám đốc |
|------------------------|---------------|

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                     |            |
|---------------------|------------|
| Bà Phạm Thị Chiến   | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Thế Sinh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Xuân Anh | Thành viên |

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 10 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính là 135,1 tỷ đồng, toàn bộ các khoản vay vốn của ngân hàng đã quá hạn thanh toán, các khoản nợ quá hạn không có khả năng thu hồi tăng lên ... Những vấn đề này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017*

| Mã số      | TÀI SẢN                                     | Thuyết minh | 30/06/2017             | 01/01/2017             |
|------------|---------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
|            |                                             |             | VND                    | VND                    |
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  |             | <b>761.398.075.871</b> | <b>734.801.605.945</b> |
| 110        | I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 3           | 3.882.591.762          | 3.508.549.122          |
| 111        | 1. Tiền                                     |             | 3.882.591.762          | 3.508.549.122          |
| 120        | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 4           | 169.053.780.341        | 122.746.475.800        |
| 121        | 1. Chứng khoán kinh doanh                   |             | 172.281.569.834        | 175.358.609.834        |
| 122        | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh |             | (3.227.789.493)        | (52.612.134.034)       |
| 130        | III. Các khoản phải thu ngắn hạn            |             | <b>580.011.854.827</b> | <b>574.210.756.633</b> |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 5           | 102.174.634.655        | 76.890.359.055         |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 6           | 296.811.794.908        | 290.737.154.407        |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn             |             | 450.000.000            | 350.000.000            |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác                   | 7           | 379.477.189.865        | 361.977.970.450        |
| 137        | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       |             | (198.901.764.601)      | (155.744.727.279)      |
| 140        | IV. Hàng tồn kho                            | 9           | <b>5.566.657.714</b>   | <b>22.086.487.969</b>  |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                             |             | 5.566.657.714          | 22.086.487.969         |
| 150        | V. Tài sản ngắn hạn khác                    |             | <b>2.883.191.227</b>   | <b>12.249.336.421</b>  |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 14          | 506.893.761            | 390.805.680            |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                  |             | 2.236.167.466          | 11.718.400.741         |
| 153        | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 17          | 140.130.000            | 140.130.000            |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   |             | <b>181.401.395.476</b> | <b>195.056.755.600</b> |
| 210        | I. Các khoản phải thu dài hạn               |             | <b>8.500.000.000</b>   | <b>8.500.000.000</b>   |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác                    | 7           | 8.500.000.000          | 8.500.000.000          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN                                       | Thuyết minh | 30/06/2017             | 01/01/2017             |
|-------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
|       |                                               |             | VND                    | VND                    |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                    |             | <b>5.789.135.486</b>   | <b>17.560.982.425</b>  |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 11          | 2.637.335.486          | 14.409.182.425         |
| 222   | - Nguyên giá                                  |             | 14.826.639.587         | 32.620.861.503         |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (12.189.304.101)       | (18.211.679.078)       |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                    | 12          | 3.151.800.000          | 3.151.800.000          |
| 228   | - Nguyên giá                                  |             | 3.151.800.000          | 3.151.800.000          |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | -                      | -                      |
| 230   | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | 13          | <b>131.793.693.569</b> | <b>133.569.946.419</b> |
| 231   | - Nguyên giá                                  |             | 155.409.387.525        | 156.028.271.275        |
| 232   | - Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (23.615.693.956)       | (22.458.324.856)       |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>            |             | <b>3.202.014.960</b>   | <b>3.202.014.960</b>   |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 10          | 3.202.014.960          | 3.202.014.960          |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>            | 4           | <b>27.461.814.371</b>  | <b>27.461.814.371</b>  |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết    |             | 20.968.895.429         | 20.968.895.429         |
| 253   | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             |             | 6.700.000.000          | 6.700.000.000          |
| 254   | 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn |             | (207.081.058)          | (207.081.058)          |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>               |             | <b>4.654.737.090</b>   | <b>4.761.997.425</b>   |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 14          | 4.654.737.090          | 4.761.997.425          |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      |             | <b>942.799.471.347</b> | <b>929.858.361.545</b> |

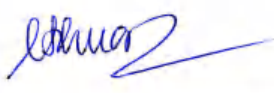
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                     | Thuyết minh | 30/06/2017             | 01/01/2017             |
|------------|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
|            |                                               |             | VND                    | VND                    |
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         |             | <b>894.248.076.572</b> | <b>880.422.290.169</b> |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         |             | <b>834.559.587.050</b> | <b>820.674.742.031</b> |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 15          | 25.905.306.253         | 27.382.253.512         |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 16          | 29.034.025.219         | 48.268.774.564         |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 17          | 259.251.410            | 290.197.158            |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                    |             | 912.433.258            | 1.986.059.671          |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                  |             | 8.760.000              | 7.880.000              |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác                     | 19          | 133.533.853.429        | 94.024.238.365         |
| 320        | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 20          | 644.539.503.170        | 648.194.549.450        |
| 322        | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                   |             | 366.454.311            | 520.789.311            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                         |             | <b>59.688.489.522</b>  | <b>59.747.548.138</b>  |
| 336        | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn           | 18          | 10.472.392.116         | 10.598.937.732         |
| 337        | 2. Phải trả dài hạn khác                      | 19          | 10.700.097.406         | 10.632.610.406         |
| 338        | 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 20          | 38.516.000.000         | 38.516.000.000         |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      |             | <b>48.551.394.775</b>  | <b>49.436.071.376</b>  |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>21</b>   | <b>48.551.394.775</b>  | <b>49.436.071.376</b>  |
| 411        | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     |             | 135.392.670.000        | 135.392.670.000        |
| 411a       | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        |             | 135.392.670.000        | 135.392.670.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                       |             | 17.147.588.054         | 17.147.588.054         |
| 414        | 3. Vốn khác của chủ sở hữu                    |             | 7.262.420.104          | 7.262.420.104          |
| 415        | 4. Cổ phiếu quỹ                               |             | (981.900)              | (981.900)              |
| 418        | 5. Quỹ đầu tư phát triển                      |             | 23.940.421.305         | 23.940.421.305         |
| 421        | 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          |             | (135.190.722.788)      | (134.306.046.187)      |
| 421a       | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | (134.404.816.856)      | -                      |
| 421b       | LNST chưa phân phối kỳ này                    |             | (785.905.932)          | (134.306.046.187)      |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    |             | <b>942.799.471.347</b> | <b>929.858.361.545</b> |

  
**Lê Thị Thu Hương**  
 Người lập

  
**Mai Thu Hà**  
 Kế toán trưởng

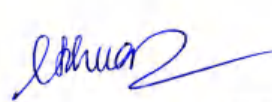
**Nguyễn Thị Thu Hoài**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| Mã số | CHỈ TIÊU                                         | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm<br>· 2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------|-------------------------|
|       |                                                  |             | VND                       | VND                     |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 23          | 105.091.282.891           | 197.358.762.534         |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 24          | 128.258.594               | -                       |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 104.963.024.297           | 197.358.762.534         |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 25          | 93.941.798.836            | 182.946.130.764         |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 11.021.225.461            | 14.412.631.770          |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 26          | 26.065.091.439            | 33.540.132.377          |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             | 27          | (6.649.756.348)           | 45.167.451.218          |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | 40.391.941.575            | 47.196.047.630          |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                              | 28          | 3.773.128.816             | 5.129.032.893           |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 29          | 51.271.124.382            | 7.653.415.491           |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | (11.308.179.950)          | (9.997.135.455)         |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 30          | 11.538.618.930            | 108.229.767             |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 31          | 534.974.920               | 1.019.138.796           |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | 11.003.644.010            | (910.909.029)           |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | (304.535.940)             | (10.908.044.484)        |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 32          | 481.369.992               | 214.238.108             |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  |             | -                         | -                       |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     |             | (785.905.932)             | (11.122.282.592)        |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 33          | (58)                      | (821)                   |

  
**Lê Thị Thu Hương**  
 Người lập

  
**Mai Thu Hà**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Thị Thu Hoài**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số                                       | CHỈ TIÊU                                                                        | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm  | 6 tháng đầu năm   |
|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|-------------------|
|                                             |                                                                                 |             | 2017             | 2016              |
|                                             |                                                                                 |             | VND              | VND               |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  |                                                                                 |             |                  |                   |
| 01                                          | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                     |             | 87.048.137.949   | 294.613.645.357   |
| 02                                          | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          |             | (74.600.371.531) | (265.163.554.694) |
| 03                                          | 3. Tiền chi trả cho người lao động                                              |             | (11.733.631.487) | (12.436.666.047)  |
| 04                                          | 4. Tiền lãi vay đã trả                                                          |             | (21.465.492)     | (26.745.562.935)  |
| 05                                          | 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                            |             | (481.369.992)    | -                 |
| 06                                          | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                        |             | 8.680.506.331    | 11.500.297.243    |
| 07                                          | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       |             | (6.546.364.138)  | (9.030.645.469)   |
| 20                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                   |             | 2.345.441.640    | (7.262.486.545)   |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ     |                                                                                 |             |                  |                   |
| 21                                          | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    |             | (1.691.580.744)  | (3.251.743.513)   |
| 22                                          | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác |             | 3.000.000.000    | 13.636.364        |
| 23                                          | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         |             | (100.000.000)    | -                 |
| 27                                          | 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          |             | 70.796.945       | 15.288.817.581    |
| 30                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                       |             | 1.279.216.201    | 12.050.710.432    |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH |                                                                                 |             |                  |                   |
| 34                                          | 1. Tiền trả nợ gốc vay                                                          |             | (3.249.298.511)  | (8.096.480.268)   |
| 40                                          | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                    |             | (3.249.298.511)  | (8.096.480.268)   |
| 50                                          | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                  |             | 375.359.330      | (3.308.256.381)   |
| 60                                          | Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                |             | 3.508.549.122    | 11.896.576.855    |
| 61                                          | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                         |             | (1.316.690)      | 25.118.678        |
| 70                                          | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                | 3           | 3.882.591.762    | 8.613.439.152     |

  
Lê Thị Thu Hương  
Người lập

  
Mai Thu Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thu Hoài  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê....;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Trong 6 tháng đầu năm 2017, thị trường tài chính khởi sắc nên một số khoản đầu tư tài chính của Công ty đã được trích lập dự phòng từ kỳ trước nay được hoàn nhập với giá trị hoàn nhập trong kỳ là 47 tỷ đồng dẫn đến chi phí tài chính trong kỳ của Công ty âm hơn 6,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, một số khoản phải thu của Công ty không có khả năng thu hồi nên Công ty tiếp tục trích lập dự phòng nợ khó đòi dẫn đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ vẫn lỗ 785 triệu đồng. Mặt khác, các khoản vay quá hạn thanh toán Công ty phải chịu mức lãi suất cao (150% lãi suất trong hạn) dẫn đến chi phí tài chính trong 6 tháng đầu năm 2017 cũng tăng lên rất nhiều.

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính với số tiền là 135,1 tỷ đồng và các khoản vay Ngân hàng thương mại đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 643 tỷ đồng và khoản lãi vay phải trả tương ứng 116 tỷ đồng. Các thông tin trên cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thông qua việc tái cơ cấu nợ với ngân hàng, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, và thanh lý một số khoản đầu tư, tài sản của Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### Cấu trúc doanh nghiệp

| Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:                                                                             | Địa chỉ                          | Hoạt động kinh doanh chính           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng                                        | Hà Nội                           | Sản xuất kinh doanh thép             |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh                            | Quận 4,<br>TP Hồ Chí Minh        | Thương mại và dịch vụ                |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xi nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng                  | Quận Hải An,<br>TP Hải Phòng     | Gia công hàng may mặc                |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam                                             | Huyện Xuân Lộc,<br>Tỉnh Đồng Nai | Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu |
| Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4. |                                  |                                      |

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.



#### **2.4 . Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là: tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### **2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2017  
CÔNG  
NHẬN  
KIỂM  
AS  
EM-T

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

### 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

IDS  
TY  
HỮU  
HÀ  
TOÁN  
HÀ

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10 năm |

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                          |        |
|--------------------------|--------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 45 năm |
|--------------------------|--------|

### 2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa). Theo đó, TH1 cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa tại Đoạn Xá, Hải Phòng (bao gồm cả các yêu cầu của Đại lý, nhà phân phối, bán buôn, nhà thầu hay đối tác khác có liên quan thông qua đơn hàng của Kowa) và không được chấp nhận bất cứ đơn đặt hàng từ bất kỳ bên nào khác hay không được cung cấp dịch vụ cho bên khác hoặc thỏa thuận khác với bên thứ 3 sử dụng nhà máy, nhân lực và các tài sản liên quan đến Hợp đồng này. Hai bên cùng hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc và sản phẩm để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực nhà máy đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh được phân bổ đều (50/50) cho các bên và được trả trong vòng 60 ngày sau kỳ kết thúc trước đó. TH1 phải đảm bảo rằng, toàn bộ nhà máy, máy móc thiết bị đều trong tình trạng hoạt động tốt và thuộc sở hữu của TH1, đồng thời phải duy trì tối thiểu 180 công nhân làm việc trong nhà máy. Bên TH1 là bên thực hiện kế toán.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn và Phụ lục hợp đồng số 04/2017/HĐHT/TH1-HFC ngày 01/04/2017 có hiệu lực đến ngày 31/08/2017 và đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.19 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | <u>30/06/2017</u>           | <u>01/01/2017</u>           |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                                 | VND                         | VND                         |
| Tiền mặt                        | 198.002.083                 | 326.274.587                 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.684.589.679               | 3.182.274.535               |
|                                 | <u><u>3.882.591.762</u></u> | <u><u>3.508.549.122</u></u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

|                                                         | 30/06/2017             |                        | 01/01/2017             |                         |
|---------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                                         | Giá gốc<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND  | Dự phòng<br>VND        | Giá gốc<br>VND          |
| - Tổng giá trị cổ phiếu                                 | 172.281.569.834        | 172.095.931.200        | (3.227.789.493)        | 175.358.609.834         |
| - Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn                      | 348.600                | 151.200                | (197.400)              | 348.600                 |
| - Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch | -                      | -                      | -                      | 3.077.040.000           |
| - Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall         | 9.300.372.093          | 6.072.780.000          | (3.227.592.093)        | 9.300.372.093           |
| - Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam                  | 162.980.849.141        | 166.023.000.000        | -                      | 162.980.849.141         |
|                                                         | <b>172.281.569.834</b> | <b>172.095.931.200</b> | <b>(3.227.789.493)</b> | <b>175.358.609.834</b>  |
|                                                         |                        |                        |                        | <b>122.746.475.800</b>  |
|                                                         |                        |                        |                        | <b>(52.612.134.034)</b> |

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm 30/06/2017.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|                                                 | 30/06/2017            |                      | 01/01/2017            |                      |
|-------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                 | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND      | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND      |
| <b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>  | <b>20.968.895.429</b> | <b>-</b>             | <b>20.968.895.429</b> | <b>-</b>             |
| - Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất               | 20.968.895.429        | -                    | 20.968.895.429        | -                    |
| <b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>                   | <b>6.700.000.000</b>  | <b>(207.081.058)</b> | <b>6.700.000.000</b>  | <b>(207.081.058)</b> |
| - Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh           | 1.200.000.000         | (207.081.058)        | 1.200.000.000         | (207.081.058)        |
| - Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao | 5.500.000.000         | -                    | 5.500.000.000         | -                    |
|                                                 | <b>27.668.895.429</b> | <b>(207.081.058)</b> | <b>27.668.895.429</b> | <b>(207.081.058)</b> |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty có 01 Công ty liên kết là Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất có trụ sở tại Hà Nội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết vào Công ty liên kết là 40 % với hoạt động kinh doanh chính là cho thuê văn phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                                                      | <u>30/06/2017</u>             | <u>01/01/2017</u>            |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
|                                                                      | VND                           | VND                          |
| <b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b> |                               |                              |
| - Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam                                  | 23.932.288.353                | 23.932.288.353               |
| - Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh                                    | 8.158.626.921                 | 8.158.626.921                |
| - Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T                                | 35.959.721.230                | 9.953.675.362                |
| - Công ty Cổ phần Dầu khí và Khoáng sản VITECH                       | 8.395.780.880                 | 8.695.780.880                |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác                                 | 25.728.217.271                | 26.149.987.539               |
|                                                                      | <u><b>102.174.634.655</b></u> | <u><b>76.890.359.055</b></u> |

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                                     | <u>30/06/2017</u>             | <u>01/01/2017</u>             |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                                     | VND                           | VND                           |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Khanh Thụy U.S | 3.407.264.821                 | 3.407.264.821                 |
| Công ty TNHH Thương Mại Trúc Tâm                    | 1.409.374.537                 | 1.409.374.537                 |
| Công ty cổ phần Xanh Cà phê                         | 1.329.734.476                 | 1.329.734.476                 |
| Công ty TNHH Minh Lâm                               | 4.359.664.601                 | 4.359.664.601                 |
| Công ty TNHH Thanh Phát                             | 29.787.510.769                | 29.787.510.769                |
| Công ty TNHH Thanh Phát HQ                          | 81.832.187.384                | 81.832.187.384                |
| Doanh nghiệp tư nhân Phát Đạt                       | 5.238.146.104                 | 5.258.146.104                 |
| Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành                    | 54.585.659.678                | 54.585.659.678                |
| Công ty TNHH Đại Phước Tài                          | 2.027.949.002                 | 2.027.949.002                 |
| NGP NEW GLOBAL PROPERTY GMBH                        | 27.589.256.019                | 27.589.256.019                |
| Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng             | 35.635.700.361                | 35.635.700.361                |
| Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Tính Nên            | 2.006.054.268                 | 2.006.054.268                 |
| Trả trước cho người bán khác                        | 47.603.292.888                | 41.508.652.387                |
|                                                     | <u><b>296.811.794.908</b></u> | <u><b>290.737.154.407</b></u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**7 . PHẢI THU KHÁC**

|                                                 | 30/06/2017             |          | 01/01/2017             |          |
|-------------------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                                 | Giá trị                | Dự phòng | Giá trị                | Dự phòng |
|                                                 | VND                    | VND      | VND                    | VND      |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                              |                        |          |                        |          |
| - Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia     | 2.269.000.000          | -        | 9.988.800.000          | -        |
| - Phải thu về lãi tiền cho vay, đầu tư          | 80.977.865.596         | -        | 55.456.865.596         | -        |
| - Phải thu người lao động                       | 222.000                | -        | 254.476.236            | -        |
| - Phải thu về bảo hiểm xã hội                   | 2.068.480              | -        | 2.667.680              | -        |
| - Phải thu về bảo hiểm y tế                     | 387.840                | -        | 500.190                | -        |
| - Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp              | 258.560                | -        | 333.460                | -        |
| - Tạm ứng                                       | 2.897.101.670          | -        | 3.182.679.072          | -        |
| - Ký cược, ký quỹ                               | 643.431.590            | -        | 644.230.394            | -        |
| - Phải thu Công ty TNHH Quang Trung             | 1.548.661.868          | -        | 1.548.661.868          | -        |
| - Phải thu vốn góp theo đồng hợp tác kinh doanh | 2.846.000.000          | -        | 2.846.000.000          | -        |
| - Phải thu vốn góp theo đồng hợp tác đầu tư (*) | 282.000.000.000        | -        | 282.000.000.000        | -        |
| - Phải thu Nguyễn Xuân Nam                      | 5.000.000.000          | -        | 5.000.000.000          | -        |
| - Phải thu khác                                 | 1.292.192.261          | -        | 1.052.755.954          | -        |
|                                                 | <b>379.477.189.865</b> | -        | <b>361.977.970.450</b> | -        |
| <b>b) Dài hạn</b>                               |                        |          |                        |          |
| - Phải thu Bà Phạm Thị Thủy                     | 100.000.000            | -        | 100.000.000            | -        |
| - Phải thu Ông Đặng Hùng Long                   | 8.400.000.000          | -        | 8.400.000.000          | -        |
|                                                 | <b>8.500.000.000</b>   | -        | <b>8.500.000.000</b>   | -        |

(\*): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn "cổ phiếu thuộc danh mục thoái vốn của Công ty SCIC" và Phụ lục hợp đồng số 04/2017/HĐHT/TH1-HFC ngày 01/04/2017 có hiệu lực đến ngày 31/08/2017, hợp tác đầu tư với điều kiện đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**8 . NỢ XẤU**

|                                                       | 30/06/2017             |                        | 01/01/2017             |                        |
|-------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                       | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc                | Giá trị có thể thu hồi |
|                                                       | VND                    | VND                    | VND                    | VND                    |
| - Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam                   | 23.932.288.353         | -                      | 23.932.288.353         | -                      |
| - Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T                 | 35.959.721.230         | -                      | 9.953.675.362          | 9.953.675.362          |
| - Doanh nghiệp Tư nhân Trung Thành                    | 54.585.659.678         | -                      | 54.585.659.678         | -                      |
| - Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Khanh Thụy U.S | 3.407.264.821          | -                      | 3.407.264.821          | -                      |
| - Doanh Nghiệp tư nhân Phát Đạt                       | 5.238.146.104          | -                      | 5.258.146.104          | -                      |
| - Công ty Cổ phần Thép Việt                           | 8.158.626.921          | -                      | 8.158.626.921          | -                      |
| - Công ty TNHH Thanh Phát                             | 29.787.510.769         | -                      | 29.787.510.769         | -                      |
| - Công ty Cổ phần Khoáng                              | 6.010.353.102          | -                      | 6.010.353.102          | -                      |
| - Các khoản khác (*)                                  | 32.437.416.082         | 944.281.182            | 25.780.758.713         | 1.175.881.182          |
|                                                       | <b>199.516.987.060</b> | <b>944.281.182</b>     | <b>166.874.283.823</b> | <b>11.129.556.544</b>  |

(\*) Đối với một số khách hàng khác đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản nợ này là vẫn có thể thu hồi được toàn bộ trong năm tiếp theo nên giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc.

**9 . HÀNG TỒN KHO**

|                       | 30/06/2017           |          | 01/01/2017            |          |
|-----------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                       | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
|                       | VND                  | VND      | VND                   | VND      |
| Nguyên liệu, vật liệu | 258.122.481          | -        | 331.790.405           | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | 172.812.575          | -        | -                     | -        |
| Hàng hoá              | 5.135.722.658        | -        | 21.754.697.564        | -        |
|                       | <b>5.566.657.714</b> | <b>-</b> | <b>22.086.487.969</b> | <b>-</b> |

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|                                                             | 30/06/2017           | 01/01/2017           |
|-------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                             | VND                  | VND                  |
| - Công trình Khu Lũy Bán Bích tại Quận Tân Phú, Hồ Chí Minh | 3.163.378.596        | 3.163.378.596        |
| - Dự án Tiêu Đắc Nông                                       | 38.636.364           | 38.636.364           |
|                                                             | <b>3.202.014.960</b> | <b>3.202.014.960</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**II . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị    | Phương tiện vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                  |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------------------|---------------------------|-----------------------|
|                               | VND                    | VND                  | VND                                | VND                       | VND                   |
| <b>Nguyên giá</b>             |                        |                      |                                    |                           |                       |
| Số dư đầu năm                 | 22.853.534.077         | 4.621.949.277        | 4.876.500.455                      | 268.877.694               | 32.620.861.503        |
| - Thanh lý, nhượng bán        | (17.740.712.826)       | -                    | -                                  | (53.509.090)              | (17.794.221.916)      |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>          | <b>5.112.821.251</b>   | <b>4.621.949.277</b> | <b>4.876.500.455</b>               | <b>215.368.604</b>        | <b>14.826.639.587</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                        |                      |                                    |                           |                       |
| Số dư đầu năm                 | 11.113.598.779         | 3.628.440.670        | 3.200.761.935                      | 268.877.694               | 18.211.679.078        |
| - Khấu hao trong kỳ           | 153.578.654            | 209.198.504          | 179.556.104                        | -                         | 542.333.262           |
| - Thanh lý, nhượng bán        | (6.511.199.149)        | -                    | -                                  | (53.509.090)              | (6.564.708.239)       |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>          | <b>4.755.978.284</b>   | <b>3.837.639.174</b> | <b>3.380.318.039</b>               | <b>215.368.604</b>        | <b>12.189.304.101</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                        |                      |                                    |                           |                       |
| Tại ngày đầu năm              | 11.739.935.298         | 993.508.607          | 1.675.738.520                      | -                         | 14.409.182.425        |
| Tại ngày cuối kỳ              | <b>356.842.967</b>     | <b>784.310.103</b>   | <b>1.496.182.416</b>               | <b>-</b>                  | <b>2.637.335.486</b>  |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 931.770.000 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.940.869.584 VND.

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá 155.409.387.525 VND; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2017 là 23.615.693.956 VND, trong đó khấu hao trong kỳ là 1.776.252.848 VND.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                 | 30/06/2017           | 01/01/2017           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | VND                  | VND                  |
| a) <b>Ngắn hạn</b>              |                      |                      |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 506.893.761          | 390.805.680          |
|                                 | <b>506.893.761</b>   | <b>390.805.680</b>   |
| b) <b>Dài hạn</b>               |                      |                      |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn   | 4.638.858.990        | 4.714.905.858        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác  | 15.878.100           | 47.091.567           |
|                                 | <b>4.654.737.090</b> | <b>4.761.997.425</b> |

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|                                                                   | 30/06/2017            |                       | 01/01/2017            |                       |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                   | Giá trị               | Số có khả năng trả    | Giá trị               | Số có khả năng trả    |
|                                                                   | VND                   | nợ VND                | VND                   | nợ VND                |
| <b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b> |                       |                       |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số 2-Vinaconex                           | 24.920.648.778        | 24.920.648.778        | 26.420.648.778        | 26.420.648.778        |
| Phải trả các đối tượng khác                                       | 984.657.475           | 984.657.475           | 961.604.734           | 961.604.734           |
|                                                                   | <b>25.905.306.253</b> | <b>25.905.306.253</b> | <b>27.382.253.512</b> | <b>27.382.253.512</b> |

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|                                                        | 30/06/2017            | 01/01/2017            |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                        | VND                   | VND                   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall   | 27.004.807.473        | 27.004.807.473        |
| Công ty TNHH Tân Phương Đông                           | -                     | 11.000.000.000        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hà Nội | -                     | 9.000.000.000         |
| Người mua trả tiền trước khác                          | 2.029.217.746         | 1.263.967.091         |
|                                                        | <b>29.034.025.219</b> | <b>48.268.774.564</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                             | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|-----------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|-------------------------|---------------------|---------------------|
|                             | VND                 | VND                 | VND                  | VND                     | VND                 | VND                 |
| Thuế Giá trị gia tăng       | -                   | 235.027.480         | 2.686.183.160        | 2.735.022.918           | -                   | 186.187.722         |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu   | -                   | -                   | 535.969.218          | 535.969.218             | -                   | -                   |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp  | -                   | -                   | 481.369.992          | 481.369.992             | -                   | -                   |
| Thuế Thu nhập cá nhân       | -                   | 55.169.678          | 146.201.089          | 128.307.079             | -                   | 73.063.688          |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất | 140.130.000         | -                   | 2.460.543.612        | 2.460.543.612           | 140.130.000         | -                   |
| Các loại thuế khác          | -                   | -                   | 8.000.000            | 8.000.000               | -                   | -                   |
|                             | <b>140.130.000</b>  | <b>290.197.158</b>  | <b>6.318.267.071</b> | <b>6.349.212.819</b>    | <b>140.130.000</b>  | <b>259.251.410</b>  |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

|                                           | <u>30/06/2017</u>            | <u>01/01/2017</u>            |
|-------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                           | VND                          | VND                          |
| - Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng | 10.472.392.116               | 10.598.937.732               |
|                                           | <u><b>10.472.392.116</b></u> | <u><b>10.598.937.732</b></u> |

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                                              | <u>30/06/2017</u>             | <u>01/01/2017</u>            |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
|                                                              | VND                           | VND                          |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                           |                               |                              |
| - Kinh phí công đoàn                                         | 346.543.247                   | 388.592.054                  |
| - Bảo hiểm xã hội                                            | 3.430.568                     | 6.015.643                    |
| - Bảo hiểm y tế                                              | 3.236.515                     | 10.025.834                   |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                                       | 1.399.843                     | 15.343.039                   |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                              | 3.960.000                     | 3.960.000                    |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả                                 | 1.210.823.455                 | 1.210.823.455                |
| - Phải trả lãi vay                                           | 116.084.939.557               | 75.714.463.474               |
| - Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội | 2.378.523.635                 | 2.878.523.635                |
| - Phải trả Lợi nhuận từ hợp tác cho Kowa                     | 2.156.834.567                 | 2.058.063.898                |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác                          | 11.344.162.042                | 11.738.427.333               |
|                                                              | <u><b>133.533.853.429</b></u> | <u><b>94.024.238.365</b></u> |
| <b>b) Dài hạn</b>                                            |                               |                              |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                               | 700.097.406                   | 632.610.406                  |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác                          | 10.000.000.000                | 10.000.000.000               |
|                                                              | <u><b>10.700.097.406</b></u>  | <u><b>10.632.610.406</b></u> |

CÔNG TY  
TR. H. H. HOÀI

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

|                                                              | 01/01/2017             |  |                        |  | 30/06/2017       |                      |                        |                        |
|--------------------------------------------------------------|------------------------|--|------------------------|--|------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
|                                                              | Giá trị                |  | Số có khả năng trả nợ  |  | Trong kỳ         |                      | Số có khả năng trả nợ  |                        |
|                                                              | VND                    |  | VND                    |  | Tăng             | Giảm                 | Giá trị                | VND                    |
| <i>Vay ngắn hạn bằng VND</i>                                 | <b>284.478.207.158</b> |  | <b>284.478.207.158</b> |  | -                | <b>1.788.207.158</b> | <b>282.690.000.000</b> | -                      |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD                 | 1.658.207.158          |  | 1.658.207.158          |  | -                | 1.658.207.158        | -                      | -                      |
| - Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (4)               | 282.000.000.000        |  | 282.000.000.000        |  | -                | -                    | 282.000.000.000        | 282.000.000.000        |
| - Công ty Cổ phần Bất động sản - Tổng hợp I (5)              | 520.000.000            |  | 520.000.000            |  | -                | -                    | 520.000.000            | 520.000.000            |
| - Vay cá nhân                                                | 300.000.000            |  | 300.000.000            |  | -                | 130.000.000          | 170.000.000            | 170.000.000            |
| <i>Vay ngắn hạn bằng USD</i>                                 | <b>348.278.342.292</b> |  | <b>348.278.342.292</b> |  | <b>8.303.080</b> | <b>784.334.442</b>   | <b>347.502.310.930</b> | <b>64.869.381.274</b>  |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD (1)          | 48.151.294.968         |  | 48.151.294.968         |  | -                | 42.256.511           | 48.109.038.457         | 48.109.038.457         |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD (2)             | 37.837.137.839         |  | 37.837.137.839         |  | 8.303.080        | 385.211.930          | 37.460.228.989         | 37.460.228.989         |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội (3)            | 131.472.256.512        |  | 131.472.256.512        |  | -                | 172.989.811          | 131.299.266.701        | 131.299.266.701        |
| - Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (4)               | 19.971.844.765         |  | 19.971.844.765         |  | -                | 26.267.223           | 19.945.577.542         | 19.945.577.542         |
| - Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai (6)                | 45.919.448.996         |  | 45.919.448.996         |  | -                | 100.631.029          | 45.818.817.967         | 45.818.817.967         |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (7) | 64.926.359.212         |  | 64.926.359.212         |  | -                | 56.977.938           | 64.869.381.274         | 64.869.381.274         |
| <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>                                | <b>15.438.000.000</b>  |  | <b>15.438.000.000</b>  |  | -                | <b>1.090.807.760</b> | <b>14.347.192.240</b>  | <b>14.347.192.240</b>  |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả                                     | 15.438.000.000         |  | 15.438.000.000         |  | -                | 1.090.807.760        | 14.347.192.240         | 14.347.192.240         |
|                                                              | <b>648.194.549.450</b> |  | <b>648.194.549.450</b> |  | <b>8.303.080</b> | <b>3.663.349.360</b> | <b>644.539.503.170</b> | <b>644.539.503.170</b> |

**b) Vay dài hạn**

|                                                     |                       |  |                       |  |   |                      |                       |                       |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|--|-----------------------|--|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD (8) | 53.954.000.000        |  | 53.954.000.000        |  | - | 1.090.807.760        | 52.863.192.240        | 52.863.192.240        |
|                                                     | <b>53.954.000.000</b> |  | <b>53.954.000.000</b> |  | - | <b>1.090.807.760</b> | <b>52.863.192.240</b> | <b>52.863.192.240</b> |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng            | (15.438.000.000)      |  | (15.438.000.000)      |  | - | (1.090.807.760)      | (14.347.192.240)      | (14.347.192.240)      |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng                   | <b>38.516.000.000</b> |  | <b>38.516.000.000</b> |  |   |                      | <b>38.516.000.000</b> | <b>38.516.000.000</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/134855/HDTD ngày 04/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn duy trì hạn mức từ 04/10/2014 đến 30/09/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
    - Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại phường Đồng Hải, quận Hải An, TP.Hải Phòng;
    - Thế chấp xe ô tô Audi A6 (biển kiểm soát 29A-066.28) và xe ô tô Toyota Camry (biển kiểm soát 30H-5732);
    - Thế chấp quyền sở hữu khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội;
    - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác mà bên vay là người thụ hưởng và các khoản thu hợp pháp khác của bên vay, tất cả các tài sản thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của bên vay như: hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sở hữu đất, vốn góp, tài sản khác khi có yêu cầu của ngân hàng;
    - Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án Khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội. Giá trị hiện tại là 105.986.000.000 đồng;
  - + Số dư nợ gốc tại 30/06/2017 là 2.112.825,58 USD (tương đương 48.109.038.457 VND).
- (2) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số KHTHI140256/HM ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
  - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 19/12/2014;
  - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm đối với khoản vay VND, 5%/năm đối với khoản vay USD;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
  - + Số dư nợ vay tại 30/06/2017 là: 1.645.157,18 USD (tương đương 37.460.228.989 VND).
- (3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 2226.1/TB-HĐTD ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 23/07/2014 đến ngày 23/07/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về từ các hợp đồng kinh tế mà Ngân hàng tài trợ vốn/phát hành LC xuất khẩu/bảo lãnh;
  - + Số dư nợ vay tại 30/06/2017 là: 5.766.327,04 USD (tương đương 131.299.266.701 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- (4) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m<sup>2</sup> đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m<sup>2</sup> đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
  - + Số dư nợ vay tại 30/06/2017 là: 282.000.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 19.945.577.542 VND).
- (5) Khoản vay với Công ty Cổ phần Bất động sản - TH1 theo hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐVT ngày 18/02/2014 và các phụ lục gia hạn thời hạn vay bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền được vay: 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Khoản vay có thời hạn 02 tuần kể từ ngày 18/02/2014 và được gia hạn theo từng phụ lục bổ sung đến 01/2016;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay là 7%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
  - + Số dư nợ vay tại 30/06/2017 là: 520.000.000 VND.
- (6) Khoản vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng số 1240LAV201500065 ngày 25/02/15, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 23/01/2016, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
  - + Số dư nợ vay tại 30/06/2017 là: 2.012.244,97 USD (tương đương 45.818.817.967 VND).

15-C  
Y  
THAN  
DAN  
HÀ NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- (7) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số: 01/2015-HĐTĐHM/NHCT106 - GENERALEXIM ngày 05/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh xuất nhập khẩu;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng vay có hiệu lực từ ngày 15/9/2015 đến 31/8/2016, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay của từng khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng 1 lần, Lãi suất phạt nợ gốc là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà bên vay hoặc tổ chức, cá nhân khác ký kết với bên cho vay hoặc các biện pháp đảm bảo khác (Hợp đồng đảm bảo) cụ thể:
    - Các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.
    - Các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.
  - + Số dư nợ vay tại 30/06/2017 là: 2.848.896,85 USD (tương đương 64.869.381.274 VND).

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (8) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng dài hạn số: 04.134855.2015 ngày 13/2/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
  - + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 25/12/2020;
  - + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 52.863.192.240 đồng, số dư nợ gốc đến hạn trả trong năm 2017 là 14.347.192.240 đồng.

**c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

|       | 30/06/2017             |                        | 01/01/2017             |                       |
|-------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
|       | Gốc<br>VND             | Lãi<br>VND             | Gốc<br>VND             | Lãi<br>VND            |
| - Vay | 643.849.503.170        | 116.084.939.557        | 647.374.549.450        | 75.714.463.474        |
|       | <b>643.849.503.170</b> | <b>116.084.939.557</b> | <b>647.374.549.450</b> | <b>75.714.463.474</b> |

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ bị thu hẹp do có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty gặp khó khăn nên trong thời gian tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn, Công ty vẫn đang xây dựng kế hoạch về nguồn tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                            | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                       | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu |     | Cổ phiếu quỹ     | Quỹ đầu tư phát triển  |     | Lợi nhuận chưa phân phối |     | Cộng                   |
|----------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|-----|------------------|------------------------|-----|--------------------------|-----|------------------------|
|                            | VND                       | VND                   | VND                  | VND                     | VND | VND              | VND                    | VND | VND                      | VND | VND                    |
| <b>Số dư đầu năm trước</b> | <b>135.392.670.000</b>    | <b>17.147.588.054</b> |                      | <b>7.262.420.104</b>    |     | <b>(981.900)</b> | <b>158.549.656.217</b> |     | <b>(134.609.234.912)</b> |     | <b>183.742.117.563</b> |
| Lỗ trong kỳ trước          | -                         | -                     | -                    | -                       | -   | -                | -                      | -   | (11.122.282.592)         |     | (11.122.282.592)       |
| Giảm khác                  | -                         | -                     | -                    | -                       | -   | -                | (134.609.234.912)      |     | 134.609.234.912          |     | -                      |
| <b>Số dư cuối kỳ trước</b> | <b>135.392.670.000</b>    | <b>17.147.588.054</b> |                      | <b>7.262.420.104</b>    |     | <b>(981.900)</b> | <b>23.940.421.305</b>  |     | <b>(11.122.282.592)</b>  |     | <b>172.619.834.971</b> |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>   | <b>135.392.670.000</b>    | <b>17.147.588.054</b> |                      | <b>7.262.420.104</b>    |     | <b>(981.900)</b> | <b>23.940.421.305</b>  |     | <b>(134.306.046.187)</b> |     | <b>49.436.071.376</b>  |
| Lỗ trong kỳ này            | -                         | -                     | -                    | -                       | -   | -                | -                      | -   | (785.905.932)            |     | (785.905.932)          |
| Giảm khác (*)              | -                         | -                     | -                    | -                       | -   | -                | -                      | -   | (98.770.669)             |     | (98.770.669)           |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>   | <b>135.392.670.000</b>    | <b>17.147.588.054</b> |                      | <b>7.262.420.104</b>    |     | <b>(981.900)</b> | <b>23.940.421.305</b>  |     | <b>(135.190.722.788)</b> |     | <b>48.551.394.775</b>  |

(\*): Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được phân bổ đều (50/50) giữa TH1 và Kowa và được chi trả trong vòng 60 ngày sau khi kết thúc kỳ kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                      | <u>Tỷ lệ</u><br>(%) | <u>Cuối kỳ</u><br>VND  | <u>Tỷ lệ</u><br>(%) | <u>Đầu kỳ</u><br>VND   |
|----------------------|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| Bà Lê Thị Lan        | 20,73%              | 28.065.210.000         | 20,73%              | 28.065.210.000         |
| Ông Nguyễn Văn Huyền | 19,91%              | 26.961.230.000         | 19,91%              | 26.961.230.000         |
| Ông Nguyễn Vĩnh Huy  | 15,88%              | 21.500.000.000         | 15,88%              | 21.500.000.000         |
| Ông Hoàng Trí Cường  | 5,59%               | 7.570.000.000          | 5,59%               | 7.570.000.000          |
| Các cổ đông khác     | 37,89%              | 51.295.820.000         | 37,89%              | 51.295.820.000         |
| Cổ phiếu quỹ         | 0,00%               | 410.000                | 0,00%               | 410.000                |
|                      | <u>100%</u>         | <u>135.392.670.000</u> | <u>100%</u>         | <u>135.392.670.000</u> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                           | <u>6 tháng đầu năm</u><br><u>2017</u><br>VND | <u>6 tháng đầu năm</u><br><u>2016</u><br>VND |
|---------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 135.392.670.000                              | 135.392.670.000                              |
| - Vốn góp đầu kỳ          | 135.392.670.000                              | 135.392.670.000                              |
| - Vốn góp cuối kỳ         | 135.392.670.000                              | 135.392.670.000                              |

**d) Cổ phiếu**

|                                               | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|-----------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành           | 13.539.267        | 13.539.267        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng        | 13.539.267        | 13.539.267        |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 13.539.267        | 13.539.267        |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 41                | 41                |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 41                | 41                |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành               | 13.539.226        | 13.539.226        |
| - Cổ phiếu phổ thông                          | 13.539.226        | 13.539.226        |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)         | 10.000            | 10.000            |

**e) Các quỹ công ty**

|                       | <u>30/06/2017</u><br>VND | <u>01/01/2017</u><br>VND |
|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 23.940.421.305           | 23.940.421.305           |
|                       | <u>23.940.421.305</u>    | <u>23.940.421.305</u>    |

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

|                       | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 117.164           | 74.855            |
| - Đồng Euro (EUR)     | 3.892             | 4.681             |
| - Đồng yên nhật (JPY) | 55.836            | 56.562            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                          | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                          | VND                     | VND                     |
| Doanh thu bán hàng                       | 97.966.411.820          | 183.611.386.929         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ               | 7.124.871.071           | 11.020.102.878          |
| Doanh thu chuyển nhượng tài sản trên đất | -                       | 2.727.272.727           |
|                                          | <b>105.091.282.891</b>  | <b>197.358.762.534</b>  |

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

|                     | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|---------------------|-------------------------|-------------------------|
|                     | VND                     | VND                     |
| Hàng bán bị trả lại | 128.258.594             | -                       |
|                     | <b>128.258.594</b>      | <b>-</b>                |

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                      | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                      | VND                     | VND                     |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán          | 91.281.997.090          | 178.530.355.677         |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp      | 2.659.801.746           | 2.759.692.898           |
| Giá trị còn lại của tài sản trên đất | -                       | 1.656.082.189           |
|                                      | <b>93.941.798.836</b>   | <b>182.946.130.764</b>  |

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                                     | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|-----------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                     | VND                     | VND                     |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay                           | 70.796.945              | 156.328.692             |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                         | 25.521.000.000          | 30.133.116.667          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ            | 59.243.645              | 311.792.595             |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ | 414.050.849             | 2.938.894.423           |
|                                                     | <b>26.065.091.439</b>   | <b>33.540.132.377</b>   |

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                                    | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|----------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                    | VND                     | VND                     |
| Lãi tiền vay                                       | 40.391.941.575          | 47.196.047.630          |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính          | 2.233.540.000           | -                       |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ            | 103.419.071             | 92.130.851              |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ | -                       | 307.805.142             |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | (49.384.344.541)        | (2.464.883.707)         |
| Chi phí tài chính khác                             | 5.687.547               | 36.351.302              |
|                                                    | <b>(6.649.756.348)</b>  | <b>45.167.451.218</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                  | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                  | VND                     | VND                     |
| Chi phí nhân công                | 2.018.130.450           | 2.215.393.480           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 186.939.054             | 476.384.458             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.421.464.483           | 2.106.692.753           |
| Chi phí khác bằng tiền           | 146.594.829             | 330.562.202             |
|                                  | <b>3.773.128.816</b>    | <b>5.129.032.893</b>    |

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                     | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                     | VND                     | VND                     |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu       | 2.878.108               | 435.265                 |
| Chi phí nhân công                   | 3.421.697.508           | 4.103.691.617           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định    | 99.983.096              | 115.996.802             |
| Thuế, phí, lệ phí                   | 94.885.176              | 174.626.424             |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | 43.157.037.322          | (4.884.399)             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 3.812.928.923           | 2.313.291.460           |
| Chi phí khác bằng tiền              | 681.714.249             | 950.258.322             |
|                                     | <b>51.271.124.382</b>   | <b>7.653.415.491</b>    |

**30 . THU NHẬP KHÁC**

|                                                  | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|--------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                  | VND                     | VND                     |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 2.406.849.959           | 13.636.364              |
| Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản thế chấp       | 9.000.000.000           | -                       |
| Thu nhập khác                                    | 131.768.971             | 94.593.403              |
|                                                  | <b>11.538.618.930</b>   | <b>108.229.767</b>      |

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

|                                                               | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|---------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                               | VND                     | VND                     |
| Chi phí khấu hao không đủ điều kiện là chi phí hợp lý, hợp lệ | 53.110.000              | 53.110.000              |
| Các khoản bị phạt                                             | -                       | 570.548.628             |
| Chi phí khác                                                  | 481.864.920             | 395.480.168             |
|                                                               | <b>534.974.920</b>      | <b>1.019.138.796</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                                  | 6 tháng đầu năm<br>2017<br>VND | 6 tháng đầu năm<br>2016<br>VND |
|------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| <b><i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i></b>            |                                |                                |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                | (2.711.385.899)                | (11.979.235.022)               |
| Các khoản điều chỉnh tăng                                        | 550.127.633                    | 1.444.154.988                  |
| - Chi phí không được trừ                                         | 532.629.123                    | 1.019.138.796                  |
| - Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ                              | -                              | 3.625.811                      |
| - Lãi CLTG đánh giá lại tiền tệ cuối kỳ                          | 17.498.510                     | 421.390.381                    |
| Các khoản điều chỉnh giảm                                        | (281.735.482.171)              | (151.555.061.611)              |
| - Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ                              | (1.213.337)                    | -                              |
| - Chuyển lỗ các năm trước                                        | (281.734.268.834)              | (151.555.061.611)              |
| Thu nhập chịu thuế TNDN                                          | (283.896.740.437)              | (162.090.141.645)              |
| Thuế suất thuế TNDN                                              | 20%                            | 20%                            |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>              | <b>-</b>                       | <b>-</b>                       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ                       | -                              | -                              |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ                       | -                              | -                              |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính</b> | <b>-</b>                       | <b>-</b>                       |
| <b><i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i></b>     |                                |                                |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản           | 2.406.849.959                  | 1.071.190.538                  |
| Thu nhập tính thuế TNDN                                          | 2.406.849.959                  | 1.071.190.538                  |
| Thuế suất thuế TNDN                                              | 20%                            | 20%                            |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>              | <b>481.369.992</b>             | <b>214.238.108</b>             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ                       | (481.369.992)                  | -                              |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản</b>          | <b>-</b>                       | <b>214.238.108</b>             |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành                                 | 481.369.992                    | 214.238.108                    |
| <b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>                           | <b>-</b>                       | <b>214.238.108</b>             |

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|                                                | 6 tháng đầu năm<br>2017<br>VND | 6 tháng đầu năm<br>2016<br>VND |
|------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế                             | (785.905.932)                  | (11.122.282.592)               |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông       | (785.905.932)                  | (11.122.282.592)               |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 13.539.226                     | 13.539.267                     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                | <b>(58)</b>                    | <b>(821)</b>                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                     | 6 tháng đầu năm<br>2017<br>VND | 6 tháng đầu năm<br>2016<br>VND |
|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu       | 1.728.207.891                  | 1.624.823.737                  |
| Chi phí nhân công                   | 12.916.222.815                 | 13.974.738.010                 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định    | 2.265.476.110                  | 775.149.148                    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 9.422.403.419                  | 6.705.659.672                  |
| Chi phí khác bằng tiền              | 1.530.492.621                  | 1.907.374.621                  |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | 42.827.978.599                 | -                              |
|                                     | <b>70.690.781.455</b>          | <b>24.987.745.188</b>          |

**35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

|                          |                        | Giá trị sổ kế toán      |  |                        |                         |
|--------------------------|------------------------|-------------------------|--|------------------------|-------------------------|
|                          |                        | 30/06/2017              |  | 01/01/2017             |                         |
|                          | Giá gốc                | Dự phòng                |  | Giá gốc                | Dự phòng                |
|                          | VND                    | VND                     |  | VND                    | VND                     |
| <b>Tài sản tài chính</b> |                        |                         |  |                        |                         |
| Tiền và các khoản        | 3.882.591.762          | -                       |  | 3.508.549.122          | -                       |
| Phải thu khách           | 490.151.824.520        | (80.307.337.507)        |  | 447.368.329.505        | (45.937.881.668)        |
| Các khoản cho vay        | 450.000.000            | -                       |  | 350.000.000            | -                       |
| Đầu tư ngắn hạn          | 172.281.569.834        | (3.227.789.493)         |  | 175.358.609.834        | (52.612.134.034)        |
| Đầu tư dài hạn           | 6.700.000.000          | (207.081.058)           |  | 6.700.000.000          | (207.081.058)           |
|                          | <b>673.465.986.116</b> | <b>(83.742.208.058)</b> |  | <b>633.285.488.461</b> | <b>(98.757.096.760)</b> |

|                                   |  | Giá trị sổ kế toán     |                        |
|-----------------------------------|--|------------------------|------------------------|
|                                   |  | 30/06/2017<br>VND      | 01/01/2017<br>VND      |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>      |  |                        |                        |
| Vay và nợ                         |  | 683.055.503.170        | 686.710.549.450        |
| Phải trả người bán, phải trả khác |  | 170.139.257.088        | 132.039.102.283        |
| Chi phí phải trả                  |  | 8.760.000              | 7.880.000              |
|                                   |  | <b>853.203.520.258</b> | <b>818.757.531.733</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND            |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 30/06/2017</b>         |                              |                                |                   |                        |
| Tiền và các khoản                  | 3.882.591.762                | -                              | -                 | 3.882.591.762          |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 401.344.487.013              | 8.500.000.000                  | -                 | 409.844.487.013        |
| Các khoản cho vay                  | 450.000.000                  | -                              | -                 | 450.000.000            |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 169.053.780.341              | -                              | -                 | 169.053.780.341        |
| Đầu tư dài hạn                     | -                            | 6.492.918.942                  | -                 | 6.492.918.942          |
|                                    | <b>574.730.859.116</b>       | <b>14.992.918.942</b>          | <b>-</b>          | <b>589.723.778.058</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2017</b>         |                              |                                |                   |                        |
| Tiền và các khoản                  | 3.508.549.122                | -                              | -                 | 3.508.549.122          |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 392.930.447.837              | 8.500.000.000                  | -                 | 401.430.447.837        |
| Các khoản cho vay                  | 350.000.000                  | -                              | -                 | 350.000.000            |
| Đầu tư ngắn hạn                    | 122.746.475.800              | -                              | -                 | 122.746.475.800        |
| Đầu tư dài hạn                     | -                            | 6.492.918.942                  | -                 | 6.492.918.942          |
|                                    | <b>519.535.472.759</b>       | <b>14.992.918.942</b>          | <b>-</b>          | <b>534.528.391.701</b> |

111  
CÔNG  
NHỆM  
KIỂM  
AS  
M-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                      | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND | Trên 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND            |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 30/06/2017</b>           |                              |                                |                   |                        |
| Vay và nợ                            | 644.539.503.170              | 38.516.000.000                 | -                 | 683.055.503.170        |
| Phải trả người bán,<br>phải trả khác | 159.439.159.682              | 10.700.097.406                 | -                 | 170.139.257.088        |
| Chi phí phải trả                     | 8.760.000                    | -                              | -                 | 8.760.000              |
|                                      | <b>803.987.422.852</b>       | <b>49.216.097.406</b>          | <b>-</b>          | <b>853.203.520.258</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2017</b>           |                              |                                |                   |                        |
| Vay và nợ                            | 648.194.549.450              | 38.516.000.000                 | -                 | 686.710.549.450        |
| Phải trả người bán,<br>phải trả khác | 121.406.491.877              | 10.632.610.406                 | -                 | 132.039.102.283        |
| Chi phí phải trả                     | 7.880.000                    | -                              | -                 | 7.880.000              |
|                                      | <b>769.608.921.327</b>       | <b>49.148.610.406</b>          | <b>-</b>          | <b>818.757.531.733</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

|                                                     | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 |
|-----------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                     | VND                     | VND                     |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 517.780.970             | 857.105.000             |

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

  
Lê Thị Thu Hương

Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2017

  
Mai Thu Hà

Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thị Thu Hoài

Tổng Giám đốc